

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2014/QĐ -UBND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh, bổ sung mức giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ Quy định về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 26/01/2006 của Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội bổ sung Thông tư liên tịch số 14/TTLB ngày 30/09/1995 của Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội, Ban Vật giá Chính phủ hướng dẫn thực hiện việc thu một phần viện phí;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29/02/2012 của Bộ Y tế, Bộ Tài chính ban hành mức tối đa khung giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước và các văn bản hướng dẫn triển khai Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 1904/1998/QĐ-BYT ngày 18/8/1998 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành danh mục phân loại phẫu thuật và thủ thuật;

Căn cứ Nghị quyết số 50/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XII, kỳ họp thứ 10 về điều chỉnh, bổ sung mức giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 23/2012/QĐ-UBND ngày 20/8/2012 của UBND tỉnh quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1798/TTr-STC ngày 07/8/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung mức giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Thái Nguyên như sau:

1. Điều chỉnh mức giá của một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Thái Nguyên đã quy định tại Quyết định số 23/2012/QĐ-UBND ngày 20/8/2012 của UBND tỉnh Thái Nguyên (*Có Phụ lục số 01 kèm theo*):

- Tại phụ lục số 01 điều chỉnh: Mục B2 (STT: 2,3,4); B3.1 (STT: 2,3,4); B3.2 (STT: 2,3,4); B4.1 (STT: 2); B4.2 (STT: 2,3); B4.3 (STT: 2,3); B4.4 (STT: 2,3,4).

- Tại phụ lục số 03 điều chỉnh: Số Thứ tự 951; 954; 958; 960; 967; 977; 993; 1000; 1003; 1004; 1015; 1016.

2. Bổ sung mức giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Thái Nguyên (*Có Phụ lục số 02 kèm theo*);

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý bao gồm: Các Bệnh viện tuyến tỉnh; Bệnh viện hoặc Trung tâm Y tế tuyến huyện, thành phố, thị xã; trạm y tế xã, phường, thị trấn, cơ sở y tế các cơ quan, đơn vị, tổ chức;

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Bảo hiểm Xã hội tỉnh tổ chức triển khai thực hiện;

2. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện công khai niêm yết giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại nơi khám bệnh theo quy định;

3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2014, thay thế mức giá quy định tại Phụ lục số 01: Mục B2 (STT: 2,3,4); B3.1 (STT: 2,3,4); B3.2 (STT: 2,3,4); B4.1 (STT: 2); B4.2 (STT: 2,3); B4.3 (STT: 2,3); B4.4 (STT: 2,3,4). Phụ lục số 03:

Số Thứ tự 951; 954; 958; 960; 967; 977; 993; 1000; 1003; 1004; 1015; 1016 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2012/QĐ-UBND ngày 20/8/2012 của UBND tỉnh Thái Nguyên;

4. Đối với những người bệnh đang điều trị nội trú tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành sử dụng các dịch vụ được điều chỉnh mức giá tại Phụ lục số 01, Điều 1 Quyết định này tiếp thực hiện mức thu theo quy định tại Quyết định số 23/2012/QĐ-UBND ngày 20/8/2012 của UBND tỉnh quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cho đến khi ra viện;

5. Các dịch vụ còn lại quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐTB&XH và Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29/02/2012 của Bộ Y tế, Bộ Tài chính đã xây dựng giá nhưng đến nay không còn phù hợp hoặc chưa được xây dựng mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý, giao cho Sở Y tế có trách nhiệm xây dựng lộ trình điều chỉnh mức giá cho phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội, thu nhập của người dân, tỷ lệ dân số tham gia BHYT, khả năng cân đối quỹ bảo hiểm y tế để phối hợp với Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh thẩm định, thống nhất mức giá cụ thể theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét Quyết định.

6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Sở Tài chính, Sở Y tế, Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Ma Thị Nguyệt

Phụ lục số 1**Điều chỉnh mức giá của một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và dịch vụ kỹ thuật tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Thái Nguyên**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 30/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

1. Điều chỉnh giá một ngày giường bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Thái Nguyên:

STT theo mục QĐ số 23/2012	Danh mục dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	Mức giá (đồng)
	PHẦN B: KHUNG GIÁ MỘT NGÀY GIƯỜNG BỆNH	
B2	Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu (Chưa bao gồm chi phí sử dụng máy thở nếu có)	
2	Bệnh viện hạng II	67.000
3	Bệnh viện hạng III	46.500
4	Bệnh viện hạng IV, các bệnh viện chưa được phân hạng	31.000
B3	Ngày giường bệnh Nội khoa:	
B3.1	Loại 1: Các khoa : Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Thần kinh, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết;	
2	Bệnh viện hạng II	45.500
3	Bệnh viện hạng III	27.400
4	Bệnh viện hạng IV, các bệnh viện chưa được phân hạng	18.300
B3.2	Loại 2: Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ-Sản không mổ.	
2	Bệnh viện hạng II	34.400
3	Bệnh viện hạng III	22.300
4	Bệnh viện hạng IV, các bệnh viện chưa được phân hạng	14.200
B4	Ngày giường bệnh ngoại khoa; bông:	
B4.1	Loại 1: Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bông độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	

STT theo mục QĐ số 23/2012	Danh mục dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	Mức giá (đồng)
2	Bệnh viện hạng II	81.200
B4.2	Loại 2: Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25 -70% diện tích cơ thể;	
2	Bệnh viện hạng II	55.000
3	Bệnh viện hạng III	40.600
B4.3	Loại 3: Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	
2	Bệnh viện hạng II	50.900
3	Bệnh viện hạng III	33.500
B4.4	Loại 4: Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	
2	Bệnh viện hạng II	33.500
3	Bệnh viện hạng III	23.400
4	Bệnh viện hạng IV, các bệnh viện chưa được phân hạng	18.200

2. Điều chỉnh mức giá một số dịch vụ kỹ thuật đang thực hiện trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Thái Nguyên:

TT	Danh mục dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	STT tại QĐ số 23/2012	Mức giá (đồng)
	XÉT NGHIỆM		
1	β HCG	954-PL03	80.000
2	Alpha FP (AFP)	951-PL03	85.000
3	CA 15-3	958-PL03	130.000
4	CA 125	960- PL03	130.000
5	CEA	967-PL03	80.000
6	FSH	977-PL03	75.000

TT	Danh mục dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	STT tại QĐ số 23/2012	Mức giá (đồng)
7	LH	993-PL03	75.000
8	PSA	1000-PL03	82.000
9	Prolactin	1003-PL03	70.000
10	Progesterone	1004-PL03	75.000
11	TSH	1015-PL03	55.000
12	T3/FT3/T4/FT4 (Một loại)	1016-PL03	58.000

Phụ lục số 2**BỔ SUNG MỨC GIÁ CỦA MỘT SỐ DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
TẠI CÁC CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH CỦA NHÀ NƯỚC
THUỘC TỈNH THÁI NGUYÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 30/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Số TT	Tên dịch vụ	Loại Phẫu thuật, thủ thuật	Mức giá (đồng)
1	Nội soi đại trực tràng ống mềm không sinh thiết		125.000
2	Nội soi đại trực tràng ống mềm có sinh thiết		162.000
3	Thẩm tách siêu lọc máu (HDF online)		1.250.000
4	Nội soi phế quản ống mềm gây tê có sinh thiết		629.000
5	Nội soi phế quản ống mềm gây tê lấy dị vật bằng kim gấp dị vật		1.068.000
6	Thận nhân tạo cấp cứu (quả lọc dây máu dùng một lần)		1.005.000
7	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy tự động)		35.000
8	Nội soi màng phổi để chẩn đoán và điều trị	TT-I	1.102.000
9	Chụp mạch huỳnh quang đáy mắt	TTĐB	400.000
10	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má cung tiếp		1.058.000
11	Phẫu thuật Giãn tĩnh mạch thừng tinh (mở mở)		1.096.000
12	Cắt u bàng quang nội soi (Đường dưới)		1.765.000
13	Phẫu thuật chuyển vật da trong cắt bỏ sẹo sơ dính		1.457.000
14	Phẫu thuật nẹp vis, đóng đinh xương Quay		1.120.000
15	Phẫu thuật nẹp vis, đóng đinh xương Trụ		1.120.000
16	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy xương cánh tay		1.653.000

Số TT	Tên dịch vụ	Loại Phẫu thuật, thủ thuật	Mức giá (đồng)
17	Phẫu thuật cắt gai xương gót		1.000.000
18	Kỹ thuật ngâm thuốc y học cổ truyền		45.000
19	Kỹ thuật nhiệt trị liệu		51.000
20	Kỹ thuật tác động cột sống		45.000
21	Phun sương thuốc y học cổ truyền		60.000
22	Nhuộm huỳnh quang		40.000
23	Chụp ảnh đáy mắt không có chất cản quang		100.000